

Bản án số: 34/2020/HS-ST
Ngày 24/8/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Khoa và ông Hoàng Văn Thảo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện VKSND huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Triệu Đức L**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 07 tháng 7 năm 1998; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm KN, xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; con ông Triệu Sinh T, sinh năm 1978 và bà Triệu Thị H, sinh năm 1976; Anh em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Lý Văn L, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm KN, xã LM, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lý Hiếu M, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Xóm BA, xã TT, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Lý Văn T, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

+ Anh Hoàng Hữu Tr, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

+ Anh Hoàng Hữu P, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

+ Anh Hoàng Hữu Th, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm KN, xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do ở gần nhà ông Lý Văn L, sinh năm 1971 là người cùng xóm nên Triệu Đức L biết gia đình nhà ông L có 02 con trâu buổi tối thường được nhốt trong chuồng cách nhà ông L khoảng 30m nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản mang bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 10 giờ ngày 04/4/2020 L đã liên lạc với bạn mình là Lý Hiếu M, sinh năm 1999, trú tại thôn BA, xã TT, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn qua mạng xã hội Facebook, sau khi nói chuyện L và M thống nhất việc L thuê M chở trâu đi bán tại phường TĐ, thành phố Thái Nguyên nhưng L nói với M là đi bán trâu nhà mình chứ không nói trâu do trộm cắp mà có. Để tạo lòng tin với M chở trâu cho mình L nói dối là do không làm được thủ tục kiểm dịch nên vận chuyển trâu đi bán vào buổi tối để tránh sự kiểm tra của các cơ quan chức năng, do vậy M đã tin và thống nhất giá cước xe thuê vận chuyển là 1.500.000 đồng và hẹn M khoảng 21 giờ cùng ngày M có mặt ở khu nhà L tại xóm KN, xã LM để chở trâu theo lời hẹn, M điều khiển xe ô tô tải BKS 12C – 080.27 của M đến gần nhà L thì có một ngã ba nôi đường mòn dân sinh với đường bê tông thì L đợi và gặp M ở đây. L bảo M lùi xe vào tả luy dương nơi có mô đất cao khoảng 01 m ở cạnh đường, sau đó L mở nắp thùng xe phía sau và bảo M đợi ở đây rồi L đi bộ một mình khoảng 800 m theo đường mòn dân sinh để đến nhà ông L. Lợi dụng đêm tối muộn gia đình ông L và hàng xóm đã ngủ L lén lút vào chuồng trâu nhà ông Lý Văn L phát hiện trong chuồng có hai con trâu được buộc bằng dây thừng trong chuồng, một con 6 năm tuổi, một con 2 năm tuổi. Lợi dụng chuồng trâu không có cửa L tháo dây thừng buộc trâu rồi dắt hai con trâu ra khỏi chuồng đi vòng theo đường bờ ao nhà ông L xuống khe suối cách nhà ông L khoảng 50m, sau đó theo đường mòn dân sinh đi đến nơi M đang đỗ xe đợi. Khi L và M đang cùng nhau cho trâu lên thùng xe ô tô thì Hoàng Phúc Th, sinh năm 1980, Hoàng Hữu P, sinh năm 1987, Lý Văn T, sinh năm 1998, Hoàng Hữu Tr, sinh năm 1989 cùng cư trú tại xóm KN, xã LM đi qua nhìn thấy, do sợ bị phát hiện nên L đã bảo M “*trốn đi*”, lúc đó M hỏi lại L là “*sao phải trốn*” nhưng L không trả lời rồi L trốn vào bụi rậm cách đó khoảng 20m. Sau khi anh Hoàng Phúc Th và mọi người đi xe mô tô qua L quay lại nói với M “*đánh xe về đi trâu không lên xe*” nên M điều khiển xe đi cách vị trí ban đầu khoảng 30m rồi dừng lại để đóng nắp thùng xe. Trong khi M đang đóng thùng xe thì quần chúng nhân dân xóm KN giữ lại hỏi nguồn gốc của hai con trâu thì L nói dối với mọi người là trâu do gia đình mua ở Lạng Sơn về nuôi, đồng thời L bỏ chạy. Đến ngày 06/4/2020 L đến Công an huyện Võ Nhai để đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Sau khi phát hiện bị mất hai con trâu ngày 05/4/2020 ông Lý Văn L đã có đơn trình báo đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Võ Nhai đề nghị giải quyết. Ngày 05/4/2020 cơ quan điều tra đã trả lại 02 con trâu cho ông Lý Văn L.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 07 ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Võ Nhai kết luận: Giá trị tài sản tại thời điểm thiệt hại đối với 02 con trâu (một con 6 năm tuổi, một con 2 năm tuổi) tại thời điểm bị mất có giá trị 67.280.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 35/CT – VKSVN ngày 30/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Triệu Đức L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai đã trình bày bản luận tội và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Triệu Đức L. Sau khi đánh giá chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xử phạt Triệu Đức L từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu vàng của Triệu Đức L. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo và Bị hại không tranh luận gì, nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Không có ý kiến gì.

Trong vụ án này, anh Lý Hiếu M khi được bị cáo L hỏi thuê xe ô tô với giá 1.500.000 đồng để vận chuyển trâu đi bán, anh M không biết việc L trộm trâu nên không có cơ sở để xử lý về hành vi của M. Số tiền L thuê M để vận chuyển hai con trâu, quá trình giải quyết anh M không yêu cầu L phải có trách nhiệm thanh toán số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với những tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản kết luận định giá tài sản; Lời khai của bị hại, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác, như vậy đã đủ cơ sở để xác định: Khoảng 22 giờ ngày 04/4/2020 tại xóm KN, xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, Triệu Đức L đã có hành vi lén lút trộm cắp 02 con trâu của gia đình ông Lý Văn L có giá trị 67.280.000 đồng trên đường đi tiêu thụ thì bị phát hiện L đã bỏ trốn, đến ngày 06/4/2020 L đến cơ quan điều tra để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của bị cáo L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định như sau:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; sau khi bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Về nhân thân: Bị cáo Triệu Đức L xuất thân từ gia đình làm nông nghiệp, là dân tộc thiểu số, bị cáo học hết lớp 6/12 nghỉ học ở nhà lao động, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo sống phụ thuộc gia đình, tuổi đời còn rất trẻ, chưa có vợ, chưa có tài sản riêng, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo năm 2020.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, sau khi xem xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức án từ 30 đến 36 tháng tù. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có đơn xin hưởng án treo được chính quyền địa phương chấp nhận, do vậy không cần thiết phải buộc cách ly xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách là 60 tháng cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tội phạm xảy ra bị phát hiện và thu giữ tài sản trả ngay cho chủ sở hữu không có thiệt hại, người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG thu giữ của bị cáo được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2, đây là tài sản của bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc vào mục đích phạm tội, do vậy cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Xét đề nghị về áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp cần được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo L thuộc diện hộ nghèo năm 2020, tại phiên tòa đã có đơn xin được miễn án phí, đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đồng ý miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Đức L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo,

Xử phạt: Triệu Đức L **30** (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Đức L cho UBND xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của Triệu Đức L được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2 để sung ngân sách nhà nước.

(Vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, có đặc điểm, tình trạng như nội dung được ghi trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Võ Nhai và Chi cục THADS huyện Võ Nhai ngày 17/8/2020).

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Đức L.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Võ Nhai;
- Công an huyện Võ Nhai;
- T.H.A DS huyện Võ Nhai;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tất Thắng